

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTV-TTBVTV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy trình kỹ thuật phòng, chống bệnh thối nõn và thối rễ cây dứa
(Quy trình tạm thời)

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình kỹ thuật phòng, chống bệnh thối nõn và thối rễ cây dứa” (Quy trình tạm thời).

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành;

2. Chánh Văn phòng Cục, các Phòng, Trung tâm thuộc Cục, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh trồng dứa, tổ chức cá nhân liên quan đến sản xuất dứa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin gửi về Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để chỉnh sửa bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thủ trưởng Hoàng Trung (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để c/đ);
- Các phòng liên quan thuộc Cục (để p/h);
- Chi cục TT&BVTV các tỉnh (để t/h);
- Lưu: VT, TTBVTV.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Mạnh

QUY TRÌNH KỸ THUẬT PHÒNG, CHỐNG BỆNH THỐI NỖN VÀ THỐI RỄ CÂY DỨA (Quy trình tạm thời)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTTV-TTBVT ngày tháng năm 2026
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Hướng dẫn nông dân áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật nhằm phòng, chống hiệu quả bệnh thối nõn và thối rễ cây dứa, hạn chế thiệt hại năng suất, nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Quy trình được xây dựng theo nguyên tắc quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), phù hợp điều kiện sinh thái và thực tiễn sản xuất dứa tại Việt Nam.

II. PHẠM VI VÀ ĐỊA ĐIỂM ÁP DỤNG

- Quy trình kỹ thuật này được phổ biến và áp dụng cho các cơ quan chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất dứa trên lãnh thổ Việt Nam.

- Áp dụng cho các vùng trồng dứa tại Việt Nam.

III. TRIỆU CHỨNG, TÁC NHÂN VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁT SINH, GÂY HẠI

3.1. Triệu chứng

3.1.1. Triệu chứng bệnh thối nõn dứa

Phần gốc lá non và đỉnh sinh trưởng của cây bị thối; mô bệnh ban đầu có màu trắng đục, sau chuyển vàng nâu nhạt rồi thâm nâu đen.

Ranh giới giữa mô bệnh và mô khỏe có viền nâu rõ rệt.

Khi dùng tay kéo nhẹ đầu lá, toàn bộ lá dễ dàng tuột khỏi thân, có mùi thối khó chịu.

Lá cây bị bệnh chuyển màu từ xanh sang vàng, sau đó đỏ; chóp lá khô xám, tóp lại, cong cuộn xuống phía dưới, mép lá hơi cuộn vào trong.

Đối với cây đang mang quả, cuống quả bị thối, làm quả gãy gục hoặc rụng sớm.



Hình 1: Lá dứa bị bệnh thối nõn

3.1.2. Triệu chứng bệnh thối rễ dừa

Ở giai đoạn đầu, chóp rễ bị biến màu, từ trắng ngà chuyển sang nâu nhạt, nâu thẫm; sau đó rễ chuyển dần sang nâu đen, bị thối, phần biểu bì và lông hút bị phá hủy, làm giảm khả năng hấp thu nước và dinh dưỡng của cây.

Trên mặt đất, lá cây chuyển từ xanh nhạt sang vàng nhạt, sau đó đỏ tím; mép lá khô; cây sinh trưởng kém.

Khi bệnh nặng, phần thân gốc (cổ rễ) bị thâm nâu, thối nhũn; cây héo rũ và chết; có thể dùng tay nhổ cây dừa lên dễ dàng, đặc biệt trong điều kiện đất có ẩm độ cao kéo dài.



Hình 2: Rễ dừa bị bệnh

3.2. Tác nhân gây bệnh

Tác nhân gây bệnh thối nõn dừa do vi sinh vật giống nấm là *Phytophthora nicotianae* và *Phytophthora cinnamomi*, còn bệnh thối rễ dừa do *Phytophthora cinnamomi* gây ra.

3.3. Đặc điểm phát sinh, gây hại của bệnh

Bệnh phát sinh quanh năm, gây hại nặng vào giữa và cuối mùa mưa; đặc biệt trong điều kiện nhiệt độ không khí trung bình thấp, ẩm độ cao (85 - 90%), nhiều sương mù, nhất là sau các đợt mưa kéo dài gây úng nước.

Bệnh gây hại trong suốt quá trình sinh trưởng của cây dừa, nghiêm trọng nhất ở giai đoạn sau trồng từ 2 - 8 tháng tuổi, khi mưa nhiều, ẩm độ và nhiệt độ cao; thời kỳ cây sinh trưởng sinh dưỡng mạnh, nõn non và các lá ôm khít nhau, dễ đọng nước.

Bệnh thường gây hại nặng trên các chân ruộng thấp, trũng, thoát nước kém; các vườn dừa bón phân không cân đối, đặc biệt bón thừa phân đạm.

Tác nhân gây bệnh tồn tại trong đất và tàn dư cây trồng từ vụ trước, tiếp tục là nguồn lây nhiễm cho vụ sau; đồng thời có thể lan truyền qua việc sử dụng chồi giống lấy từ ruộng đã bị nhiễm bệnh.



Hình 3: Ruộng dừa bị bệnh thối nõn nặng



Hình 4. Ruộng dừa không bị nhiễm bệnh

IV. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPM)

4.1. Biện pháp canh tác

4.1.1. Điều kiện sinh thái

Nhiệt độ thích hợp: 20 - 32°.

Lượng mưa thích hợp: 1.200 - 1.500 mm/năm.

Độ ẩm không khí thích hợp 70 - 80%.

Ánh sáng: Cây dừa yêu cầu ánh sáng nhiều nhưng thích hợp với ánh sáng tán xạ hơn ánh sáng trực xạ. Thiếu ánh sáng cây mọc yếu, quả nhỏ; ngược lại nếu cường độ chiếu sáng quá mạnh kèm theo nhiệt độ cao sẽ làm cho lá bị vàng hoặc đỏ, quả bị rám và lúc này cần che bóng cho dừa.

4.1.2. Chọn và chuẩn bị đất trồng

a) Yêu cầu về đất trồng

Đất trồng dừa phù hợp là đất đỏ bazan, đất phù sa; đất cần tơi xốp, giàu mùn và dinh dưỡng, có khả năng thoát nước tốt, không bị úng sau mưa. Đối với vùng đồi núi, độ dốc thích hợp từ 3 - 10°. Đất trồng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- pH đất từ 4,5 - 6,5.
- Tầng canh tác sâu từ 0,4 m trở lên, thoát nước tốt.
- Để đảm bảo năng suất khá – cao cần đất có hàm lượng dinh dưỡng ban đầu từ mức trung bình trở lên.
- Đối với những vườn từng bị nhiễm bệnh nặng từ vụ trước, sau khi cày, bừa đất cần xử lý đất bằng vôi bột (CaO) hoặc thuốc bảo vệ thực vật phù hợp (trong Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam) nhằm diệt trừ mầm bệnh trong đất. Việc bón vôi được khuyến cáo trên đất chua để nâng pH và hạn chế nấm bệnh hoặc luân canh với cây trồng khác (không cùng ký chủ) ít nhất một năm trước khi trồng lại dừa.

b) Chuẩn bị đất

Tiến hành cày đất sâu 30 - 35 cm; cần phơi đất tối thiểu 10 - 15 ngày sau khi cày nhằm hạn chế mầm bệnh trong đất và cỏ dại; sau đó bừa kỹ, băm nhỏ đất trước khi lên luống hoặc lên liếp.

c) Thiết kế đồng ruộng và lên luống

Đối với đất bằng, mực thủy cấp thấp, không bị ngập trong mùa mưa: thiết kế theo kiểu chia lô, có trục đường chính, đường nhánh và đường nội lô. Đối với khu vực có nguy cơ úng nước, cần thiết kế hệ thống mương, rãnh thoát nước phù hợp để bảo đảm tiêu thoát nước nhanh sau mưa.

Lên luống theo tiêu chuẩn:

- Chiều cao luống: Từ 0,20 - 0,25 m nhằm hạn chế đọng nước và tạo rãnh thoát nước.

- Mặt luống rộng: 1,4 - 1,6 m, phù hợp trồng 4 hàng dừa.

- Khoảng cách giữa hai luống: 0,40 - 0,45 m.

Đối với đất dốc: lô trồng phải thiết kế theo đường đồng mức, có biện pháp ngăn dòng chảy để hạn chế xói mòn và bảo đảm canh tác bền vững. Chỉ làm đất cục bộ tại các hàng dự kiến trồng; bố trí hàng trồng theo đường đồng mức để hạn chế xói mòn đất đất và thuận tiện cho chăm sóc.

Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là vùng đất thấp: cần lên liếp trồng dừa; tùy điều kiện địa hình để thiết kế chiều cao liếp phù hợp. Chiều rộng mương từ 1 - 2 m, chiều rộng liếp từ 6 - 8 m; có hệ thống đê bao khép kín để ngăn mặn trong mùa khô và ngăn lũ trong mùa mưa.

Lưu ý: Phải xây dựng hệ thống thoát nước đồng ruộng đồng bộ, bảo đảm không để xảy ra tình trạng ứ đọng nước kéo dài.

4.1.3. Mật độ trồng: mật độ trồng tùy thuộc vào nhóm giống, đất đai; không trồng quá dày, bảo đảm ruộng trồng thông thoáng, hạn chế sâu bệnh và tạo điều kiện cây sinh trưởng, phát triển tốt.

- Nhóm giống dừa Cayenne: mật độ 55.000 - 60.000 cây/ha, trồng theo kiểu hàng kép 4.

- + Khoảng cách cây cách cây: 0,35 - 0,40 m;

- + Khoảng cách giữa hai hàng đơn: 0,40 - 0,45 m;

- Nhóm giống dừa Queen: mật độ 65.000 - 70.000 cây/ha, trồng theo kiểu hàng kép 4.

- + Khoảng cách cây cách cây: 0,30 - 0,35 m;

- + Khoảng cách giữa hai hàng đơn: 0,40 - 0,45 m;

Lưu ý: Để thuận tiện chăm sóc và giảm ẩm độ, nên để lối đi giữa các hàng kép; khoảng cách giữa hai hàng kép khoảng 0,8 - 1,0 m.

- Trên hàng có thể bố trí chồi trồng theo kiểu hình chữ nhật hoặc nanh sấu. Trong điều kiện đất xấu, có thể trồng theo hàng kép đôi để thuận lợi cho chăm sóc và quản lý ruộng trồng.

- Đối với vùng đôi, khuyến cáo sử dụng màng phủ nông nghiệp chuyên dùng cho cây dưa sau khi bón lót, với các tác dụng:

- + Hạn chế cỏ dại;
- + Giữ độ ẩm đất ở mức thích hợp;
- + Hạn chế rửa trôi đất và phân bón đôi với đất có độ dốc $>8^\circ$;
- + Hạn chế lây lan mầm bệnh do bào tử nấm phát tán theo dòng nước.

4.1.4. Chọn, phân loại và xử lý chồi giống

- Chọn cây giống và chồi giống khỏe, sạch sâu bệnh; lá xanh đậm, phiến lá dày; phần gốc và đỉnh sinh trưởng còn nguyên vẹn, không bị dập nát. Đạt chất lượng và đạt tiêu chuẩn cây giống theo quy định hoặc đạt chất lượng giống theo tiêu chuẩn giống của đơn vị công bố lưu hành giống. Không sử dụng chồi giống từ ruộng bị nhiễm bệnh thối nõn, thối rễ nhằm hạn chế nguồn bệnh lây lan.

- Tiêu chuẩn chồi giống dưa:

Bảng 1. Yêu cầu về khối lượng chồi giống

TT	Loại chồi	Khối lượng chồi (gam)	
		Nhóm dưa Cayenne	Nhóm dưa Queen
1	Chồi ngọn	200 - 300	180 - 250
2	Chồi nách	200 - 300	200 - 300
3	Chồi cuống	180 - 250	150 - 200
4	Chồi giâm hom	100 - 150	

Bảng 2. Yêu cầu về chiều cao chồi giống

TT	Loại chồi	Chiều cao chồi (cm)	
		Nhóm dưa Cayenne	Nhóm dưa Queen
1	Chồi ngọn	18 - 25	18 - 25
2	Chồi nách	25 - 30	25 - 30
3	Chồi cuống	18 - 25	25 - 30
4	Chồi giâm hom	20 - 25	

Ghi chú: các tiêu chuẩn chồi giống nêu trên không áp dụng với giống nuôi cấy mô.

- Bảo quản chồi giống nơi khô ráo, thoáng mát, có mái che; không xếp chồng cao gây xây sát, dập nát.

- Các loại chồi được dùng làm giống: Chồi ngọn, chồi nách, chồi cuống, chồi giâm hom.

- Phân loại chồi: Phân loại chồi để tiện chăm sóc, tạo ra các lô trồng đồng đều, giúp dễ dàng chăm sóc và xử lý ra hoa trái vụ nên trước khi trồng phải tiến hành phân loại chồi ngọn, chồi nách, chồi cuống, chồi giâm hom và trồng riêng ở các khu vực

khác nhau. Trong cùng một loại chồi tiếp tục phân loại chồi to, nhỏ để trồng ở các lô khác nhau.

- Xử lý chồi giống trước khi trồng bằng cách nhúng nhanh trong dung dịch thuốc bảo vệ thực vật có đăng ký sử dụng trên cây dừa, thuộc Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam hiện hành, theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất; sau khi xử lý để ráo rồi tiến hành trồng.

4.1.5. Thời vụ trồng

Thời vụ trồng dừa được xác định phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng, tuy nhiên cần hạn chế trồng vào thời kỳ mưa nhiều, nhằm giảm nguy cơ phát sinh bệnh thối nõn, thối rễ. Cụ thể như sau:

- Miền Bắc (Bắc Bộ và Bắc Trung bộ):

+ Vụ Xuân - Hè: trồng chính vụ từ tháng 1 đến tháng 5;

+ Vụ Đông - Xuân: trồng từ tháng 10 đến hết tháng 12.

- Miền Trung: trồng từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 6 năm sau.

- Miền Nam: trồng vào đầu mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 6); riêng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và những vùng khác trong điều kiện chủ động được nguồn nước tưới và hệ thống thoát nước, có thể trồng trong mùa khô.

4.1.6. Sử dụng phân bón hợp lý

Việc sử dụng phân bón cần thực hiện theo nguyên tắc cân đối, đúng liều lượng, đúng thời điểm, phù hợp với điều kiện đất đai và giai đoạn sinh trưởng của cây dừa, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạn chế phát sinh sâu bệnh. Lượng bón (tính cho 1 ha):

- Phân chuồng hoai mục: từ 10 - 15 tấn/ha hoặc 2 - 3 tấn phân hữu cơ công nghiệp/ha.

- Bón vôi đối với vùng đất có pH thấp: khoảng 1,0 tấn/ha, bón khi bừa đất lần cuối nhằm cải thiện độ chua của đất, tăng hiệu quả hấp thu dinh dưỡng.

- Liều lượng phân N, P, K cho 1 ha: 600 - 650 kg N + 300 - 320 kg P_2O_5 + 300 - 320 K_2O ; tùy vào điều kiện giống, đất đai và giai đoạn sinh trưởng của cây để sử dụng lượng phân, thời kỳ bón phù hợp. Có thể sử dụng dạng phân hỗn hợp NPK hoặc sử dụng dạng phân đơn (lưu ý chọn phân lân có hàm lượng Cd thấp để đảm bảo an toàn thực phẩm).

Bảng 3. Khuyến cáo lượng phân bón thương phẩm/ha

TT	Loại phân bón	Khối lượng (Tấn/ha)	Ghi chú
1	Phân hữu cơ	2,0 - 3,0	Bón lót
2	Lân nung chảy	2,0	Bón lót
3	Đạm SA	2,0	Bón lót
4	Kali Clorua	0,5	Bón thúc
5	ĐạmUre	0,5	Bón thúc

- Cách bón:

+ Bón lót: vôi, toàn bộ phân chuồng hoai mục hoặc phân hữu cơ, phân lân và phân đạm SA.

+ Bón thúc: Có thể chia làm 02 lần, cụ thể:

* Lần 1: Sau trồng 5 - 6 tháng, bón: 300 kg Urê/ha; 200 kg Kali Clorua/ha.

* Lần 2: Trước khi xử lý ra hoa, bón cách lần 1 từ 5 - 6 tháng, bón: 200kg Urê/ha; 300 kg Kali Clorua/ha.

4.1.7. Chăm sóc

Dặm cây: Tiến hành dặm sớm sau trồng từ 10 - 20 ngày, tùy theo thời vụ và điều kiện sinh trưởng của cây.

Quản lý cỏ dại: Thường xuyên làm cỏ, giữ ruộng thông thoáng, sạch cỏ để hạn chế cạnh tranh dinh dưỡng và nơi cư trú của mầm bệnh. Sử dụng màng phủ nông nghiệp để hạn chế cỏ dại phát triển (ưu tiên sử dụng màng phủ sinh học).

Tỉa chồi: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng; kịp thời cắt, tỉa bỏ chồi ngọn, chồi cuống nhằm tập trung dinh dưỡng nuôi quả, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Thực hiện đồng thời các biện pháp làm cỏ, bón phân và lấp kín phân; kết thúc bón phân trước xử lý ra hoa 35 - 40 ngày.

4.1.8. Tưới nước

Phương pháp tưới: tùy điều kiện cụ thể có thể áp dụng tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa hoặc tưới rãnh; số lần tưới, chu kỳ và lượng nước tưới cần căn cứ theo từng giai đoạn sinh trưởng của cây và điều kiện tự nhiên (loại đất, thời vụ, nguồn nước và thời tiết cụ thể);

Chế độ tưới: Trong mùa khô, cần tưới nước thường xuyên để duy trì độ ẩm thích hợp cho đất; tránh tưới quá nhiều gây ngập úng, tạo điều kiện phát sinh bệnh.

4.1.9. Luân canh

Thực hiện luân canh dựa với các cây trồng không mắc cảm với bệnh như lạc, đậu tương, ngô, sắn trong thời gian ít nhất 1 năm nhằm cắt nguồn lưu tồn tác nhân gây bệnh trong đất.

4.2. Biện pháp thủ công, cơ giới

Thường xuyên kiểm tra, kịp thời nhổ bỏ, thu gom các cây và tàn dư cây bị bệnh thối nõn, thối rễ đưa ra khỏi ruộng để tiêu hủy, tránh lây lan;

Trồng nông, tránh đất lọt vào nõn cây; hạn chế dẫm nén đất trong quá trình chăm sóc, canh tác.

4.3. Biện pháp sinh học

Sử dụng chế phẩm sinh học có chứa vi sinh vật đối kháng như *Trichoderma* spp., *Bacillus* spp., *Streptomyces* spp. để ủ trộn với phân chuồng hoai mục bón cho cây dưa, nhằm hạn chế tác nhân gây bệnh trong đất.

Phương pháp ủ trộn: Trộn chế phẩm với phân chuồng hoai mục theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất (đảm bảo các điều kiện về thời gian, độ che phủ, độ ẩm của hỗn hợp khoảng 50 - 60%).

Các thuốc bảo vệ thực vật sinh học sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì (trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam).

4.4. Biện pháp hóa học

Áp dụng biện pháp hóa học trên cơ sở kết quả điều tra, theo dõi tình hình phát sinh, phát triển của bệnh thối nõn, thối rễ dựa trên đồng ruộng và phù hợp với điều kiện canh tác của từng vùng;

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, có hoạt chất Cytosinpeptidemyacin, Eugenol, Fosetyl-aluminium, Ningnanmycin, ... để phòng chống bệnh. Liều lượng và cách sử dụng theo khuyến cáo của nhà sản xuất, nên sử dụng luân phiên thuốc bảo vệ thực vật trong phòng trừ bệnh hại, không lạm dụng thuốc BVTV và tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

Xử lý chồi giống trước khi trồng theo hướng dẫn ghi trên nhãn thuốc. Đối với ruộng đang sản xuất, khi bệnh mới xuất hiện, tiến hành phun hoặc tưới thuốc trực tiếp vào vùng nõn và vùng gốc - rễ nhằm khoanh vùng, hạn chế nguồn bệnh và sự lây lan. Trường hợp ruộng bị bệnh nặng, đặc biệt trên các giống mẫn cảm như Cayenne, MD2, ... có thể xử lý lặp lại 2 lần, cách nhau 7 - 10 ngày/lần, theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất và cơ quan chuyên môn.

Tuân thủ nghiêm các quy định về thời gian cách ly, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

V. ĐIỀU TRA, THEO DÕI

Thăm đồng thường xuyên nhằm theo dõi sinh trưởng, phát triển của cây dứa; tình hình phát sinh, diễn biến của bệnh thối nõn, thối rễ; các yếu tố thời tiết có liên quan;

Ghi chép, tổng hợp thông tin đầy đủ, kịp thời để làm cơ sở lựa chọn và áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh phù hợp, hạn chế lây lan và giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất;

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, cơ quan, đơn vị chuyên môn về trồng trọt và bảo vệ thực vật, khuyến nông, ... thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật nêu trên đối với các tổ chức, cá nhân trồng dứa trên địa bàn.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần báo cáo kịp thời về Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để cùng phối hợp giải quyết./.

CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Các tài liệu liên quan:

1. TCVN 9062: 2013 Chồi giống dưa - yêu cầu kỹ thuật
2. Tổng cục Thủy lợi, 2020. Quy trình kỹ thuật tưới hợp lý kết hợp với bón phân cho cây dưa.
3. Cục Trồng trọt, 2021. Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây dưa theo VietGAP.
4. UBND tỉnh Lâm Đồng, 2025. Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
5. Viện Nghiên cứu rau quả. Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hoạch dưa MD2 ở các tỉnh phía Bắc (Tài liệu nội bộ).
6. Viện Nghiên cứu rau quả. Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc dưa Cayen áp dụng tưới nhỏ giọt và bón phân qua hệ thống tưới (Tài liệu nội bộ).
7. Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao, Quy trình kỹ thuật trồng dưa Queen (Tài liệu nội bộ).
8. Công ty cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao, Quy trình kỹ thuật trồng dưa Cayen (Tài liệu nội bộ).